

		<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp mở rộng góc quét ảo Virtual Convex - Phần mềm đo tinh trong sân khoa SonoBiometry: tự động đo lường các thông số: BPD, AC, FL, HC - Phần mềm hỗ trợ quy trình siêu âm Scan Assistant trên từng ứng dụng siêu âm - Phần mềm hướng dẫn thực hành siêu âm Scan Coach - Phần mềm mở rộng chiều dài vùng quét trên Mode B lên 60 cm 		
		<p>Khả năng kết nối DICOM 3.0</p> <p>7. Khả năng hậu xử lý hình ảnh thông qua các điều kiện có sẵn trên “Freeze” và Recall:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự động tối ưu hóa - Loại bỏ đốm sáng và ảnh giả trên hình ảnh siêu âm với độ phân giải cao (Speckle Reduction Imaging High Definition - SRI-HD) - Hình ảnh siêu âm từ chum tia đa hướng (CrossXbeam) - Hiện thị hình ảnh đồng thời trong màn hình phân chia với ảnh siêu âm bình thường - Mode B/M/CrossXBeam - Tối ưu hóa bản đồ thang xám - TGC - Trung bình khung (chỉ có cho vòng lặp) - Tóc độ quét - Bản đồ thang xám - Độ lợi hậu xử lý - Thay đổi đường nền - Đảo phỏ - Nén nhiễu - Triệt nhiễu - Định dạng hiển thị - Doppler âm thanh - Điều chỉnh góc - Điều chỉnh góc nhanh - Điều chỉnh góc tự động 		

				<ul style="list-style-type: none"> - Độ lợi toàn phần (vòng lặp động và tĩnh) - Bản đồ trong suốt - Trung bình khung (chỉ có vòng lặp) <p>Nén các đốm sáng</p> <p>8. Chức năng đo đặc và phân tích</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đo đặc/tính toán trong Doppler tổng quát + B-mode + M-mode + Đo đặc/tính toán tự động trong Doppler thời gian thực + Gói đo tính sản khoa + Gói đo tính phụ khoa + Phân tích mạch máu + Đo và tính toán tiết niệu 		
				<p>9. Thông số kỹ thuật B Mode</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Năng lượng sóng âm phát ra: 0 – 100%, 2, 5, và 10 bước ● Độ lợi (khuyến đại): 0 – 90 dB, 1 dB / bước ● Dải động: 36 – 96 dB, 3 hoặc 6 dB/ bước ● Trung bình khung: 8 bước (tùy thuộc đầu dò) ● Bản đồ thang xám: cực đại 8 loại (tùy thuộc đầu dò) ● Bản đồ màu: 9 loại ● Tần số: có thể lựa chọn: 11 loại (Tùy thuộc đầu dò) ● Mật độ dòng: 5 - 6 bước ● Mật độ dòng trong chế độ Zoom: 5 bước ● Đảo ảnh: Có 2 chế độ mở/tắt ● Lựa chọn số tiêu điểm tối đa: 8 bước ● Độ rộng hội tụ: 3 loại ● Nén tín hiệu yếu: 6 bước ● Tăng bờ: 7 bước ● Triệt nhiễu: 6 bước ● Lái tia Linear: $\pm 12^\circ / 15^\circ$ (tùy thuộc đầu dò) ● SRI-HD: 6 mức 		

				<ul style="list-style-type: none"> ● Đường nền: 0 – 100%, 10%/bước (11 bước) ● Đảo phỏ: mở/tắt ● Độ sâu tiêu điểm hội tụ trong CF/PDI: có thể điều chỉnh từ 10 – 100% vị trí cần khảo sát, 10 % hoặc 16 % /bước chỉnh ● Nén nhiễu các đốm sáng trong CF/PDI: 5 bước ● Góc lái tia trong CF/PDI: 0, ±10°, ±15°, ±20° ● Kích thước gói: 8 – 24, tùy thuộc đầu dò và ứng dụng ● Mật độ dòng: 5 bước ● Phóng to / thu nhỏ mật độ dòng: 5 bước ● Trung bình khung: 7 bước ● PRF: 0.1 – 18.5 KHz/ 19 bước ● Dải tốc độ: 2 - 300 cm/s ● Bộ lọc không gian: 6 bước ● Độ lợi: 0 – 40 dB, 0.5 dB / bước ● Lọc thành: 0 - 3/4 bước, tùy thuộc vào đầu dò và phần mềm ứng dụng ● Kích thước vùng quét (Trường nhìn hoặc góc quét): tùy thuộc đầu dò ● Kích thước theo chiều thẳng đứng vùng cửa sổ màu trong CF/PDI (mm): lựa chọn theo mặc định ● Độ sâu trung tâm cửa sổ màu trong CF/PDI (mm): lựa chọn theo mặc định ● Tần số CF/PDI: Lên đến 4 bước, tùy thuộc đầu dò ● Bản đồ màu, bao gồm bản đồ các khoảng dao động và tốc độ: 14 loại tùy thuộc phần mềm ứng dụng. ● Độ trong suốt: 5 bước ● Ngưỡng màu: 0 – 100%, 11 bước ● Tích lũy màu: 8 bước 			
				<p>13. Thông số quét ảnh chế độ PDI</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Bản đồ màu: 14 loại 			

7.	Máy đo loãng xương	<p>01 Bộ chuyển đổi ổ cắm đầu dò: 02 công 01 Đầu dò Linear 01 Đầu dò Convex 01 Khả năng kết nối DICOM 3.0 01 Phần mềm hướng dẫn thực hành siêu âm căn bản 01 Phần mềm Needle Recognition cho hiển thị kim rõ ràng 01 Phần mềm đo tính trong sản khoa 01 Ổ ghi dữ liệu DVD 01 Vali đựng máy chính hãng 01 Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Việt</p> <p>Phụ kiện: 01 máy in nhiệt đen trắng Ký hiệu: UPPX898MD Hãng sản xuất: Sony – Nhật Bản Xuất xứ: Trung Quốc + 05 Kg gel siêu âm (mua tại Việt Nam)</p>				
		<p>Ký hiệu: InAlyzer - Air Hãng sản xuất: Medikors Inc Xuất xứ: Hàn Quốc</p> <p>Đặc tính kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng thiết bị dò tia X năng lượng kép 64 kênh dựa trên công nghệ chùm tia rё quạt và thu được 64 hàng dữ liệu trên một bức xạ tia X, cho phép thu thập dữ liệu có độ phân giải cao hơn trong thời gian ngắn hơn, không giống như hệ thống chùm tia bút chì chỉ thu được 1 hàng dữ liệu cho mỗi lần chiếu xạ tia X. - Ngoài ra độ tin cậy và độ bền được tăng cường bằng cách sử dụng máy phát tia X không yêu cầu chuyển đổi nhanh giữa năng lượng cao và năng lượng thấp, và máy dò tia X thu được dữ liệu có độ phân giải cao về năng lượng cao và năng lượng thấp một cách độc lập cung cấp hình ảnh chất lượng cao. - Có thiết kế đáy hở làn đầu tiên trên thế giới, và 				
			Cái	01	1.839.300.000	1.839.300.000

	thiết kế này không chi đẹp mà còn giúp định vị trực di chuyển đến trung tâm của bộ phận chuyển động, giảm thiểu sự rung lắc giữa đầu phát X quang và phần thu tia X trong quá trình quét và do đó duy trì độ chính xác cao nhất trong kết quả đo.					
	Thông số kỹ thuật					
	<ul style="list-style-type: none"> - Độ chính xác: <1.0% cv (1.0g/cm2, tình trạng tĩnh) - Số kênh: 64 kênh - Độ phân giải hình ảnh: 0,45mm (Trên bề mặt bàn) - Phạm vi quét: 490mm x 900mm - Thời gian quét Cột sóng AP: 30 giây - Thời gian quét Xương đùi phải/trái: 30 giây - Thời gian quét Xương tay phải/trái 30 giây - Thông số đo lường: BMD, BMC, FAT, LEAN, FAT% - X Quang: Điện áp bóng: 100 kV (max) - X Quang: Dòng điện ống: 3mA (max) - X Quang: Đầu dò: Đa lớp PD, 128 kênh (64 cao / 64 thấp) - Điện áp đầu vào và tần số: 110V, 220-230V 50~60Hz - Công suất tiêu thụ: 800VA - Kết nối với máy vi tính: Ethernet 					
	Cấu hình:					
	<p>Máy chính: 01 cái</p> <p>Cáp nguồn: 01 cái</p> <p>Cáp LAN: 01 cái</p> <p>Cáp USB: 01 cái</p> <p>Bộ chuẩn (Reference phantom): 01 cái</p> <p>Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, Tiếng Việt: 01 bộ</p>					
8.	Máy đo hơi khí độc hồng ngoại		Cái	01	345.000.000	345.000.000

	<ul style="list-style-type: none"> - Bom mẫu liên tục - Bộ nhớ trong: 2,000 Tests - Máy in bluetooth không dây 				
	<p>2. Cảm biến khí</p> <p>Có thể đo được 7 loại khí, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ô xy: dải đo 0 - 25 % - CO2: dải đo 0 - 5,000 ppm - CO: dải đo 0 - 200 ppm - H2S: dải đo 0 - 100 ppm - Formaldehyde: dải đo 0 - 10,000 ppb - NO: dải đo 0 - 250 ppm - SO2: dải đo 0 - 20 ppm 				
	Cầu hình:				
	Máy chính: 01 chiếc				
	Máy in bluetooth: 01 chiếc				
	Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ				
	Tổng cộng:				19.749.400.000

Bảng chữ: Mười chín tỷ, bảy trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm nghìn đồng./.

PHỤ LỤC: 02
DANH SÁCH ĐƠN VỊ SỬ DỤNG TÀI SẢN

(Kèm theo Thỏa thuận khung số 21/2019/TTTVDVTCC ngày 26/8/2019 của Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài chính công Hà Tĩnh)

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	SL	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn vị sử dụng tài sản	Nhà thầu cung cấp tài sản
1.	Hệ thống xử lý nước thải phòng thí nghiệm. Ký hiệu: LFS-XLNT- HT 1.0 Hãng sản xuất (lắp ráp): Đông Dương Xuất xứ: Việt Nam	Hệ thống	01	1.848.000.000	1.848.000.000	Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	Công ty TNHH Việt Quang
2.	Hệ thống sắc ký khí GC/FID/ECD/MS Ký hiệu: GCMS-QP2020 NX Hãng sản xuất: Shimadzu Xuất xứ: Nhật Bản	Bộ	01	5.919.200.000	5.919.200.000	“	
3.	Thiết bị làm khô mẫu bằng khí Nitơ Hãng sản xuất: Thermo Fisher Scientific Xuất xứ: Mỹ	Bộ	01	214.800.000	214.800.000	“	
4.	Máy sắc ký phân tích ion (IC) Ký hiệu: HIC-20ASuper Hãng sản xuất: Shimadzu Xuất xứ: Nhật Bản	Cái	01	3.318.000.000	3.318.000.000	“	
5.	Máy quang phổ hồng ngoại Ký hiệu: Iraffinity-1s Hãng sản xuất: Shimadzu Xuất xứ: Nhật Bản	Hệ thống	01	1.948.300.000	1.948.300.000	“	
6.	Bộ chiết Soxhlet Ký hiệu: EV6All/16 Hãng sản xuất: C.Gerhardt GmbH Xuất xứ: Đức	Cái	01	344.500.000	344.500.000	“	
7.	Máy đập mẫu Ký hiệu: ZJLW-10 Hãng sản xuất: Zenith Lab (Jiangsu) Xuất xứ: Trung Quốc	Cái	01	134.700.000	134.700.000	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Tĩnh	
8.	Bộ lọc nước 6 tầng Hãng sản xuất: Rocker Scientific Xuất xứ: Đài Loan	Bộ	01	254.000.000	254.000.000	“	
9.	Tủ sạch Clean bench Ký hiệu: LN-CB001 Hãng sản xuất: Lâm Nguyễn	Cái	01	184.500.000	184.500.000	“	

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	SL	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn vị sử dụng tài sản	Nhà thầu cung cấp tài sản
	Xuất xứ: Việt Nam						
10.	Máy đo thân nhiệt từ xa Ký hiệu: innerVue 3 Hãng sản xuất: Medikors Inc Xuất xứ: Hàn Quốc	Cái	01	2.349.400.000	2.349.400.000	“	
11.	Máy đo khí thải Ký hiệu: E4500 (E4500-3) Hãng sản xuất: Sauer mann (E Instruments International) Xuất xứ: Italia	Cái	01	94.700.000	94.700.000	“	
12.	Máy siêu âm di động Ký hiệu: LOGIQ V2 Hãng sản xuất: GE Healthcare Xuất xứ: Trung Quốc	Cái	01	610.000.000	610.000.000	“	
13.	Máy đo loãng xương Ký hiệu: InAlyzer - Air Hãng sản xuất: Medikors Inc Xuất xứ: Hàn Quốc	Cái	01	1.839.300.000	1.839.300.000	“	
14.	Máy đo hơi khí độc hồng ngoại Ký hiệu: MX6 Ibrid Hãng sản xuất: Industrial Scientific Corporation Xuất xứ: Mỹ	Cái	01	345.000.000	345.000.000	“	
15.	Thiết bị đo ô nhiễm không khí Ký hiệu: AQ Expert Hãng sản xuất: Sauer mann (E Instruments International) Xuất xứ: Mỹ	Cái	01	345.000.000	345.000.000	“	
	Tổng cộng:				19.749.400.000		

Bảng chữ: Mười chín tỷ, bảy trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm nghìn đồng./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA SẮM TÀI SẢN

Số:

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thỏa thuận khung số...../20.../TTTVDVTCC ngày.../.../20... giữa Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài chính công Hà Tĩnh và (tên nhà thầu cung cấp tài sản, hành hóa, dịch vụ);

Vào hồi giờ phút, ngày....tháng.....năm....., tại, chúng tôi gồm có:

I. Nhà thầu cung cấp tài sản

Tên đơn vị:

Địa chỉ:.....

Điện thoại: Fax:

Giấy đăng ký kinh doanh:

Quyết định thành lập:

Số tài khoản:....., tại

Mã số thuế:

Đại diện bởi:, Chức vụ.....

II. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản (Bên mua sắm tài sản)

Tên đơn vị:

Quyết định thành lập số:ngày.....của.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: Fax:

Số tài khoản:....., tại.....

Mã số quan hệ với NSNN:

Mã số thuế:

Đại diện bởi:, Chức vụ.....



Hai bên thống nhất ký Hợp đồng mua sắm tài sản với các nội dung sau:

Điều 1. Chung loại, số lượng tài sản

1. Chung loại tài sản mua sắm.
2. Số lượng tài sản mua sắm.

Điều 2. Giá bán tài sản

Giá bán tài sản tương ứng với từng loại tài sản tại Điều 1 của Hợp đồng.

Điều 3. Phương thức và thời hạn thanh toán

1. Phương thức thanh toán
2. Thời hạn thanh toán

Điều 4. Thời gian, địa điểm giao, nhận tài sản

1. Thời gian giao, nhận tài sản
2. Địa điểm giao, nhận tài sản.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các bên.

1. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu cung cấp tài sản:
 - a) Quyền và nghĩa vụ bảo hành, bảo trì tài sản.
 - b) Quyền và nghĩa vụ đào tạo, hướng dẫn sử dụng tài sản (nếu có).
 - c) Quyền và nghĩa vụ khác.
2. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

Điều 6. Chế độ xử phạt do vi phạm hợp đồng.

.....

Hợp đồng này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau; cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp mua sắm tài sản, nhà thầu cung cấp tài sản (mỗi bên giữ 02 bản); gửi 01 bản cho Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài chính công Hà Tĩnh./.

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
CUNG CẤP TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN
VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU, BÀN GIAO, TIẾP NHẬN TÀI SẢN

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thỏa thuận khung số/201../.... ngày... tháng ... năm..... giữa (tên nhà thầu cung cấp tài sản) và Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài chính công Hà Tĩnh;

Căn cứ Hợp đồng mua sắm tài sản số..... ngày tháng năm giữa (tên cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản) và (tên nhà thầu cung cấp tài sản);

Vào hồi giờ phút, ngày....tháng....năm..., tại....., chúng tôi gồm có:

I. Đại diện nhà thầu cung cấp tài sản

1. Ông (Bà):....., Chức vụ.....
2. Ông (Bà):....., Chức vụ.....

II. Đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản

1. Ông (Bà):....., Chức vụ.....
2. Ông (Bà):....., Chức vụ.....

Các bên thống nhất thực hiện nghiệm thu, bàn giao tài sản gồm các nội dung sau:

1. Tài sản thực hiện bàn giao

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá mua (đồng)	Thành tiền (đồng)	Hiện trạng tài sản bàn giao
1.						
2.						
...						

2. Các hồ sơ về tài sản bàn giao, tiếp nhận.....

3. Ý kiến của các bên giao, bên nhận (nếu có):

3.1. Ý kiến của bên giao:.....

3.2. Ý kiến của bên nhận:.....

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
CUNG CẤP TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN
VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



